TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-ST
Ngày 04 -8-2023
V/v tranh chấp về hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất và tranh chấp ngõ đi chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Sinh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh;

Ông Vũ Văn Thôn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Gia Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp về hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất và tranh chấp ngõ đi chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 475/2023/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 556/2023/QĐST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Lê Trọng T, đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 13 phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

1.2. Bà Lê Thị Thùy D, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn Th (có tên khác là Nguyễn Bá Th), địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2.2. Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Th, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.2. Anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.3. Chị Vũ Thị H, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.4. Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.6. Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.7. Ông Nguyễn Xuân Đ, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.8. Bà Trần Thị C, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.9. Công ty Cổ phần Đầu tư H, địa chỉ: Phòng 601, Tầng 6, Tòa nhà N, số 479 đường N, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn B, Tổng giám đốc. Chi nhánh Hải Phòng: Tòa nhà H, đường 351 thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.10. Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn L (đã chết); vắng mặt.

3.11. Chị Nguyễn Thị H2, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn L (đã chết); vắng mặt.

3.12. Anh Nguyễn Văn Th2, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng; là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn L (đã chết); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 25-9-2022, ngày 07-3-2023, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Xuân Đ, bà Trần Thị C là chủ sở hữu quyền sử dụng đất 62,2m^2 Thửa đất số 128A.5, tờ bản đồ số 269-A-II, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là Thửa đất số 128A.5), đã ủy quyền cho Công ty Cổ phần Đầu tư H giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Công ty Cổ phần Đầu tư H cam kết có toàn quyền quyết định về giá, không có tranh chấp ranh giới, mốc giới đất và sử dụng ngõ đi chung. Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ) số DD 672357; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH 1329/AL do Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp ngày 03/11/2021 cho người sử dụng đất là ông Nguyễn Xuân Đ, bà Trần Thị C và Trích đo vị trí đất phục vụ công chứng thể hiện Thửa đất số 128A.5 có mặt tiền, lối ra đường giao thông là ngõ bê tông rộng trung bình 3,25 m đến 3,7m. Vợ chồng ông bà và Công ty Cổ phần Đầu tư H ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng Thửa đất số 128A.5, rồi làm thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 837642; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS 1435/AL do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 26/01/2021 cho người sử dụng đất là ông Lê Trọng T, bà Lê Thị Thùy D.

Khoảng tháng 3-2022, kiểm tra thửa đất, thấy có bức tường xây chắn mặt tiền của Thửa đất số 128A.5, không thể có lối đi ra đường giao thông công cộng, vợ chồng ông bà đi tìm hiểu, biết được ông Th là hàng xóm tự nhận đã xây bức tường và yêu cầu vợ chồng ông bà không được sử dụng ngõ đi chung. Quá trình thu thập chứng cứ, ông T có ý kiến tự nhận cùng ông Th xây bức tường chắn mặt tiền của thửa đất, nên nguyên đơn bổ sung khởi kiện đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T phải phá bỏ bức tường xây gạch papanh trên phần đất ngõ đi chung, tiếp giáp Thửa đất số 128A.5, tờ bản đồ số 269-A-II, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Hộ gia đình ông Th, ông T phải chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất tại Thửa đất số 128A.5. Xác định hộ gia đình ông T, hộ gia đình ông Th, hộ gia đình ông T được quyền sử dụng ngõ đi chung tiếp giáp ranh giới Thửa đất số 131, Thửa đất số 133 với Thửa đất số 128A.5. Ông T tự nguyện thanh toán chi phí xây ngõ cho ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T mỗi người 5.000.000 đồng.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Ông và ông T thừa nhận xây bức tường chắn mặt tiền của Thửa đất số 128A.5 và không cho phép chủ quyền sử dụng thửa đất này sử dụng ngõ đi chung với lý do: Thửa đất này được chia tách từ Thửa đất 128A của em trai ông là

Nguyễn Văn L, sau này chuyển nhượng cho vợ chồng ông Đ, bà C, rồi chuyển nhượng cho ông T, bà D. Thửa đất 128A có hướng ra ngõ đi chung khác không phải ngõ đi chung của hộ gia đình ông Th, ông T. Ngõ đi chung tranh chấp do hộ gia đình ông Th tự nguyện hiến đất để mở rộng ngõ và cùng ông T làm ngõ như hiện trạng.

Theo ý kiến trong các văn bản của Tòa án ghi nhận, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Thừa nhận trình bày của ông Th.

Theo các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Xuân Đ, bà Trần Thị C trình bày:

Năm 2017, vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M diện tích 390 m^2 Thửa đất số 128A và 01 ngôi nhà cấp 4, công trình phụ, sân, tường bao xung quanh. Gia đình sử dụng ngõ đi phía trước Thửa đất rộng 5m đến 6,5m. Đối với ngõ đi vào thửa đất của ông Th, ông T, thì gia đình không sử dụng và không có công sức gì trong việc tôn tạo, mở rộng ngõ đi như hiện nay. Giữa ngõ đi có tranh chấp với Thửa đất số 128A ngăn cách bởi bức tường do ông L xây dựng từ trước. Do không có nhu cầu sử dụng, nên gia đình ông đã chuyển nhượng diện tích đất này, không liên quan Thửa đất số 128A, không liên quan vụ án, đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Theo các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 trình bày:

Bố mẹ chị là ông L, bà M đã chuyển nhượng nhà đất tại Thửa đất số 128A cho vợ chồng anh Đ, chị C. Bố mẹ chị đã thống nhất giao cho ông Nguyễn Bá Th quản lý, sử dụng diện tích Thửa đất số 132. Gia đình bố mẹ chị không còn liên quan gì đến Thửa đất số 131, 128A, không liên quan vụ án, nên đề nghị được giải quyết vắng mặt.

Theo các lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần Đầu tư H có người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Văn B, Tổng giám đốc trình bày:

Thống nhất trình bày, yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà D và trình bày của vợ chồng ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị H, bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn Th2, đều được triệu tập hợp lệ, nhưng không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo BLTTDS, bị đơn và đương sự khác chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị: Áp dụng khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 266, Điều 273 BLTTDS; Điều 164, 169, 175, 176, 254 của Bộ luật Dân sự; khoản 10 Điều 12, khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T phải phá bỏ bức tường xây gạch papanh trên phần đất ngõ đi chung, tiếp giáp Thửa đất số 128A.5. Hộ gia đình ông Th, ông T phải chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất tại Thửa đất số 128A.5. Xác định hộ gia đình ông T, hộ gia đình ông Th, hộ gia đình ông T được quyền sử dụng ngõ đi chung tiếp giáp ranh giới Thửa đất số 131, Thửa đất số 133 với Thửa đất số 128A.5. Ghi nhận tự nguyện của ông T thanh toán chi phí xây ngõ cho ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T mỗi người 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện về tranh chấp về hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất và tranh chấp ngõ đi chung đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Th (có tên khác là Nguyễn Bá Th) và ông Nguyễn Văn T, cùng địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân huyện An Lão thụ lý, giải quyết vụ án về tranh chấp về hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất và tranh chấp ngõ đi chung, phù hợp quy định tại khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa xét xử, phù hợp quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Nhận định về nguồn gốc ngõ đi chung

[3.1] Theo trình bày của nguyên đơn: Ông T, bà D là chủ quyền sử dụng Thửa đất số 128A.5, được sử dụng ngõ đi chung với các hộ gia đình ông Th, ông T, phù hợp Giấy CNQSDĐ số DD 672357 cấp cho vợ chồng ông Đ, bà C, phù hợp Giấy CNQSDĐ số DD 837642 cấp cho ông T, bà D, phù hợp Trích đo vị trí

đất. Ngõ đi chung có tranh chấp là đường giao thông công cộng gần nhất, duy nhất của Thửa đất số 128A.5.

[3.2] Theo trình bày của bị đơn: Thửa đất số 128A.5 được tách thửa từ Thửa đất số 128A có nguồn gốc sử dụng ngõ đi chung khác, không phải ngõ đi chung đang có tranh chấp.

[3.3] Xét thấy: Theo kết quả xác minh, phù hợp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình ông Th, ông Đ, ông T, phù hợp Tờ bản đồ và sổ địa chính năm 1996, đủ cơ sở xác định:

[3.3.1] Ông Nguyễn Văn Th (có tên khác là Nguyễn Bá Th), ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn T là anh em ruột. Bố mẹ của họ là cụ ông Nguyễn Văn Đ, cụ bà Ngô Thị M (đều đã chết) đã tặng cho ông Nguyễn Văn Th Thửa đất số 131; tặng cho ông Nguyễn Văn L Thửa đất số 128A và Thửa đất số 132; cho ông Nguyễn Văn T Thửa đất số 133. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th gồm ông Th, bà Nguyễn Thị Th, anh Nguyễn Văn T, chị Vũ Thị H, kê khai, đang sinh sống tại Thửa đất số 131 có diện tích 702 m^2. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn T gồm ông T, bà Phạm Thị T, chị Nguyễn Thị H, kê khai, đang sinh sống tại Thửa đất số 133 có diện tích 780 m^2. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn L gồm ông L và bà Nguyễn Thị M, đang đứng tên kê khai sử dụng Thửa đất số 132 có diện tích 276 m^2 và Thửa đất số 128A có diện tích 430 m^2. Theo trình bày của chị H thì Bố mẹ chị là ông L, bà M đã thống nhất giao cho ông Th quản lý, sử dụng Thửa đất số 132. Theo Tờ bản đồ và sổ địa chính năm 1996 thể hiện giữa Thửa đất số 131, số 133 với Thửa đất số 128A có ngõ đi chung.

[3.3.2] Gia đình ông Th đã làm thủ tục và được cấp Giấy CNQSDĐ số U666356; số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 0157/QSDĐ/AL đối với 702m^2 Thửa đất số 131, tờ bản đồ số 269-A-II do Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp vào ngày 01/8/2002 cho ông Nguyễn Văn Th. Trên Giấy CNQSDĐ số U666356 thể hiện có ngõ đi giữa Thửa đất số 131 với Thửa đất số 128A.

[3.3.3] Theo Giấy CNQSDĐ số số DD 672357 cấp cho vợ chồng ông Đ, Giấy CNQSDĐ số DD 837642 cấp cho vợ chồng ông T, đều thể hiện có ngõ đi giữa Thửa đất số 131 và Thửa đất số 128A, bản đồ 269-A-2.

[3.3.4] Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Lão duyệt tháng 11-2021 đối với hồ sơ, trình tự, thủ tục chỉnh lý mảnh trích đo địa chính hệ tọa độ độc lập khu vực Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng đối với Thửa đất số 128A, tờ bản đồ số 269-A-II, TĐ 1401 T11-2021 theo quy định pháp luật. Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện An Lão, Ủy ban nhân dân xã Mỹ Đức, không nhận được bất kỳ khiếu nại liên quan việc chỉnh lý mảnh trích đo địa chính liên quan Thửa đất này. Biết rõ việc nhà đất trên Thửa đất số 128A được vợ chồng ông Đ chuyển nhượng, phá bỏ, rồi chia tách thành 6 lô đất được phân định

ranh giới bằng bức tường gạch xây lên khoảng 20 cm, nhưng hộ gia đình ông Th, ông T, ông L đều không khiếu nại việc chia tách thửa, chỉnh lý mảnh trích đo địa chính liên quan Thửa đất số 128A5.

[3.3.5] Từ nhận định mục [3], đủ cơ sở xác định: Các hộ gia đình ông Th, ông T, ông T có quyền sử dụng ngõ đi chung tiếp giáp ranh giới các Thửa đất số 131, 133 với Thửa đất số 128A5. Cần chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định hộ gia đình ông T, hộ gia đình ông Th, hộ gia đình ông T được quyền sử dụng ngõ đi chung tiếp giáp ranh giới Thửa đất số 131, Thửa đất số 133 với Thửa đất số 128A.5.

[4] Nhận định về hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất

[4.1] Ông Th, ông T đều thừa nhận tự ý xây bức tường kích thước 6,5*1,4*0,1 trên phần đất ngõ đi chung, chắn mặt tiền của Thửa đất số 128A.5, không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Hành vi trái pháp luật của ông Th, ông T cản trở thực hiện quyền sử dụng Thửa đất 128A5 của hộ gia đình ông T không thể có lối ra vào thửa đất với đường giao thông công cộng, không thể xây dựng nhà, công trình trên đất, không thể sinh hoạt được, dẫn đến tranh chấp, ảnh hưởng mất trật tự trị an địa phương.

[4.2] Theo Kết luận định giá tài sản thì chi phí đường láng xi măng kích thước (6,5*7,5+11,5*3,5)*0,2 = 26.291.828 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của hộ gia đình ông T về việc hỗ trợ chi phí ngõ đi chung là 5.000.000 đồng cho mỗi hộ gia đình ông Th, ông T với tổng số tiền 10.000.000 đồng lớn hơn 1/3 chi phí của 3 hộ gia đình sử dụng ngõ đi chung, bảo đảm hợp lý, hợp tình.

[4.3] Từ nhận định mục [4], đủ cơ sở chấp nhận đề nghị của Viện Kiểm sát và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Th, ông T phải phá bỏ bức tường xây gạch papanh trên phần đất ngõ đi chung, tiếp giáp Thửa đất số 128A.5. Buộc hộ gia đình ông Th, ông T phải chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất tại Thửa đất số 128A.5. Ghi nhận tự nguyện của ông T thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T mỗi người 5.000.000 đồng.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn và buộc bị đơn ông Th, ông T mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết về chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 164, 169, 175, 176, 254 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 10 Điều 12, khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T phải phá bỏ bức tường xây gạch papanh với kích thước 6,5*1,4*0,1 trên phần đất ngõ đi chung, tiếp giáp Thửa đất số 128A.5, tờ bản đồ số 269-A-II, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng theo mốc giới 2-3. (Có sơ đồ kèm theo)

Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T phải chấm dứt hành vi cản trở thực hiện quyền của người sử dụng đất ông Lê Trọng T, bà Lê Thị Thùy D tại Thửa đất số 128A.5, tờ bản đồ số 269-A-II, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Xác định hộ gia đình ông Lê Trọng T, hộ gia đình ông Nguyễn Văn Th, hộ gia đình ông Nguyễn Văn T được quyền sử dụng ngõ đi chung tiếp giáp ranh giới Thửa đất số 131, Thửa đất số 133 với Thửa đất số 128A.5, cùng tờ bản đồ số 269-A-II, địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện A, thành phố Hải Phòng.

Ông Lê Trọng T phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T mỗi người 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ không thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trả lại cho ông Lê Trọng T, bà Lê Thị Thùy D mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001384, số 0001385 cùng ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THA Dân Sự huyện An Lão;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Sinh